

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 85

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có năm (5) công ty con trực tiếp, mười bốn (14) công ty con gián tiếp và hai (2) công ty liên kết.

Mặc dù tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và quyền biểu quyết tại HNG của Công ty đã giảm xuống còn 47,41% nhưng Công ty vẫn đang nắm quyền kiểm soát đối với HNG khi Ông Đoàn Nguyên Đức vẫn đang giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị của HNG và số lượng thành viên trong HĐQT của HNG đại diện cho Công ty vẫn chiếm đa số (4 thành viên trên tổng số 7 thành viên). Do đó, căn cứ theo các quy định hiện hành, HNG vẫn là công ty con của Công ty và các công ty con của HNG vẫn là các công ty con gián tiếp của Công ty.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con là trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu và các loại cây ăn quả; kinh doanh kho bãi, sơ chế nông phẩm và dịch vụ nông nghiệp; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên
Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên
Ông Nguyễn Tấn Anh	Thành viên

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc	
Ông Đoàn Nguyên Thu	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2019
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo là Ông Võ Trường Sơn.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, vào bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 4 năm 2020

Số tham chiếu: 60752790/21093043-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn"), được lập vào ngày 9 tháng 4 năm 2020 và được trình bày từ trang 6 đến trang 85 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như được trình bày tại Thuyết minh số 34.3 trong báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn đã ghi nhận các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn tồn đọng với tổng giá trị là 10.504.891.358 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 7.594.857.478 ngàn VND). Dựa trên các thông tin hiện có, chúng tôi đã không thể thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp để xác định khả năng thu hồi của số dư nợ tồn đọng vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 5.668.885.058 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 2.593.250.868 ngàn VND) bao gồm trong số dư trên. Theo đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục nói trên hay không và các ảnh hưởng nếu có đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

Ngoài ra, như được trình bày tại Thuyết minh số 32, trong năm Tập đoàn đã ghi giảm chi phí khác từ việc hoàn nhập số dư dự phòng thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 với tổng số tiền là 335.292.885 ngàn VND. Việc trích lập này đã được thực hiện trong các năm trước căn cứ vào quy định tại Khoản 3, Điều 8, Nghị định số 20/2017/NĐ-CP, quy định về quản lý thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết, được Chính phủ ban hành ngày 24 tháng 2 năm 2017 ("NĐ 20").

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn không ghi nhận khoản dự phòng thuế TNDN tương tự theo quy định hiện tại của NĐ 20 với số tiền ước tính là 147.462.571 ngàn VND do việc Tập đoàn áp dụng các nội dung mới của dự thảo sửa đổi NĐ 20 mặc dù dự thảo này chưa được phê duyệt chính thức bởi các cơ quan có thẩm quyền tại ngày của báo cáo này.

Nếu Tập đoàn thực hiện việc ghi nhận chi phí thuế TNDN theo quy định hiện tại của NĐ 20 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và không hoàn nhập chi phí thuế TNDN đã ghi nhận trong các năm tài chính trước đó, chỉ tiêu "Chi phí khác" sẽ tăng với số tiền là 335.292.885 ngàn VND, chỉ tiêu "Chi phí thuế TNDN hiện hành" sẽ tăng 147.462.571 ngàn VND, chỉ tiêu "Lỗ trước thuế" và "Lỗ sau thuế" sẽ tăng với số tiền lần lượt là 335.292.885 ngàn VND và 482.755.456 ngàn VND. Đồng thời, chỉ tiêu "Lỗ lũy kế" và chỉ tiêu "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước" tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 sẽ tăng với cùng số tiền là 482.755.456 ngàn VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng có thể có của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính hợp nhất trình bày việc khoản nợ ngắn hạn của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 1.016.118.449 ngàn VND. Các điều kiện này cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số 2.1 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



Đường Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2223-2018-004-1

Nguyễn Thị Như Quỳnh
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3040-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 9 tháng 4 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		7.073.675.026	6.567.906.781
110	I. Tiền	5	254.431.616	337.736.719
111	1. Tiền		254.431.616	337.736.719
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.569.330.218	4.747.120.864
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.551.364.334	2.976.376.936
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	374.650.728	427.114.472
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	2.267.368.418	724.888.836
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	467.023.910	656.027.274
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6,8,9	(91.077.172)	(37.286.654)
140	III. Hàng tồn kho	10	2.201.556.690	1.397.223.406
141	1. Hàng tồn kho		2.223.128.790	1.409.194.346
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(21.572.100)	(11.970.940)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		48.356.502	85.825.792
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		5.242.656	42.012.128
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		38.898.934	33.782.839
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		4.214.912	10.030.825
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		31.558.812.063	41.543.534.835
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		8.261.530.824	6.531.099.389
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	7.513.945.466	6.188.425.931
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	747.838.961	342.673.458
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	9	(253.603)	-
220	II. Tài sản cố định		10.280.435.755	11.017.632.749
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	10.247.239.903	10.956.868.379
222	Nguyên giá		12.614.467.250	13.006.191.850
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.367.227.347)	(2.049.323.471)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	33.195.852	60.764.370
228	Nguyên giá		48.444.043	115.343.472
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(15.248.191)	(54.579.102)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	67.867.999	37.104.803
231	1. Nguyên giá		74.075.831	42.073.202
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(6.207.832)	(4.968.399)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		11.229.762.864	17.431.289.542
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	11.229.762.864	17.431.289.542
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		284.237.784	2.788.206.391
252	1. Đầu tư vào các công ty liên kết	16	273.113.133	2.771.892.520
253	2. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		11.124.651	16.313.871
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.434.976.837	3.738.201.961
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	381.576.859	418.455.993
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33.2	74.528.409	98.599.120
269	3. Lợi thế thương mại	18	978.871.569	3.221.146.848
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		38.632.487.089	48.111.441.616

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ngân VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		21.823.683.301	31.300.554.930
310	I. Nợ ngắn hạn		8.089.793.475	13.136.735.456
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19	1.014.993.762	473.908.598
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	20	239.268.824	2.411.088.952
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	32.597.878	57.716.523
314	4. Phải trả người lao động		109.501.022	67.209.973
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	2.020.469.752	2.045.910.162
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		60.667	228.667
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	23	920.339.356	1.130.795.710
320	8. Vay ngắn hạn	24	3.752.458.704	6.949.803.327
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		103.510	73.544
330	II. Nợ dài hạn		13.733.889.826	18.163.819.474
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	22	1.990.123.829	2.029.868.704
337	2. Phải trả dài hạn khác	23	570.972.657	980.019.908
338	3. Vay dài hạn	24	10.945.607.569	14.803.739.630
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	33.2	221.472.405	344.457.866
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		5.713.366	5.733.366
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		16.808.803.788	16.810.886.686
410	I. Vốn chủ sở hữu		16.808.803.788	16.810.886.686
411	1. Vốn cổ phần	25.1	9.274.679.470	9.274.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		9.274.679.470	9.274.679.470
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	25.1	3.263.858.784	3.263.858.784
415	3. Cổ phiếu quỹ	25.1	(686.640)	(686.640)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	25.1	(424.458.674)	485.237.344
418	5. Quỹ đầu tư phát triển	25.1	281.668.774	280.644.763
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế)	25.1	290.839.236	(36.434.976)
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế) đến cuối năm trước		74.321.521	(153.941.745)
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối trong năm		216.517.715	117.506.769
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	26	4.122.902.838	3.543.587.941
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		38.632.487.089	48.111.441.616


Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập


Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng


Võ Trương Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	2.091.833.174	5.388.200.400
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	28.1	(16.389.150)	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	2.075.444.024	5.388.200.400
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	29	(1.847.659.651)	(3.013.495.226)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		227.784.373	2.374.705.174
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28.2	2.137.143.442	1.404.799.179
22	7. Chi phí tài chính	30	(1.963.934.151)	(1.721.684.164)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.263.369.664)	(1.532.928.450)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết		12.562.347	64.840.488
25	9. Chi phí bán hàng	31	(308.856.859)	(192.446.215)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	(672.601.510)	(989.336.089)
30	11. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(567.902.358)	940.878.373
31	12. Thu nhập khác	32	42.577.126	21.546.363
32	13. Chi phí khác	32	(1.380.140.330)	(914.727.898)
40	14. Lỗ khác	32	(1.337.563.204)	(893.181.535)
50	15. (Lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(1.905.465.562)	47.696.838
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	33.1	(2.253.490)	(2.998.375)
52	17. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	33.2	98.914.750	(38.454.058)
60	18. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN		(1.808.804.302)	6.244.405
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		216.517.715	117.506.769
62	20. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(2.025.322.017)	(111.262.364)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	27	233	127
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	27	233	127



Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập

Ngày 9 tháng 4 năm 2020



Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		(1.905.465.562)	47.696.838
	(Lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế			
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình, bất động sản đầu tư và hao mòn TSCĐ vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	11, 12 13, 18	1.207.452.901	1.137.274.221
03	Dự phòng		63.625.281	19.682.377
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		58.008.292	44.675.852
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(165.792.637)	(1.435.670.677)
06	Chi phí lãi vay	30	1.263.369.664	1.532.928.450
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		521.197.939	1.346.587.061
09	Giảm các khoản phải thu		77.839.787	1.511.655.755
10	Tăng hàng tồn kho		(878.775.630)	(695.030.279)
11	Giảm các khoản phải trả		(1.233.712.837)	(3.837.314.700)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		120.173.500	(215.749.814)
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.128.584.792)	(971.481.036)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	33.1	(12.947.293)	(54.584.465)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.767.027)	(1.758.964)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(2.537.576.353)	(2.917.676.442)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác		(4.679.597.082)	(2.597.907.012)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác		1.492.108.659	531.497.895
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		(4.183.656.108)	(3.041.376.766)
24	Tiền thu hồi cho vay		1.327.282.202	3.903.352.004
25	Tiền chi để đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		(708.435.715)	(7.783.830)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		12.446.724.361	74.975.161
27	Tiền thu lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		537.820.566	783.659.345
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		6.232.246.883	(353.583.203)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		4.568.150.621	7.594.866.696
34	Tiền trả nợ gốc vay		(8.346.126.254)	(4.127.343.823)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(3.777.975.633)	3.467.522.873
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(83.305.103)	196.263.228
60	Tiền đầu năm	5	337.736.719	141.473.491
70	Tiền cuối năm	5	254.431.616	337.736.719


Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập


Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng


Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 4 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có năm (5) công ty con trực tiếp, mười bốn (14) công ty con gián tiếp và hai (2) công ty liên kết với chi tiết như sau:

Tên công ty con		Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)
Lĩnh vực nông nghiệp				
(1)	Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG")	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	47,41
(2)	Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	47,41
(3)	Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	46,35
(4)	Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	46,35
(5)	Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	47,18
(6)	Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu ("HAA")	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	47,41
(7)	Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	46,35
(8)	Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	47,41
(9)	Công ty TNHH Heng Brothers	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	47,41
(10)	Công ty TNHH CRD	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	47,41
(11)	Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	47,41
(12)	Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên ("BSTN")	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	46,93

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
Lĩnh vực nông nghiệp (tiếp theo)			
(13) Công ty Cổ phần An Đông Mía	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	47,36
(14) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	47,36
(15) Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai ("Hưng Thắng Lợi")	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	78,22
(16) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Champasak, Lào	Đang hoạt động	78,22
Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh và dịch vụ			
(17) Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	60,41
(18) Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai ("Bệnh viện HAGL")	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00
(19) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Viêng Chăn, Lào	Trước hoạt động	100,00

Tình trạng trước hoạt động là các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư và chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Tập đoàn là trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu và các loại cây ăn quả; phát triển căn hộ; kinh doanh kho bãi, sơ chế nông phẩm và dịch vụ nông nghiệp; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phú Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên ký kết hợp đồng lao động dài hạn của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 3.175 (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 3.199).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Giả định hoạt động liên tục*

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Tập đoàn sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Tập đoàn trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 1.016.118.449 ngàn VND. Ngoài ra, cũng vào ngày này, một số khoản vay ngắn hạn đã bị trễ hạn thanh toán như được trình bày tại Thuyết minh số 24.4 của báo cáo tài chính hợp nhất. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu mà có thể ảnh hưởng lớn đến xét đoán về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo bao gồm dòng tiền dự kiến sẽ được tạo ra từ các dự án đang triển khai và tái cơ cấu một số khoản nợ. Tập đoàn cũng đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của các hợp đồng vay có liên quan. Theo đó, Tập đoàn có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo. Dựa trên các cơ sở này, Ban Giám đốc Tập đoàn vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND").

2.6 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Trong trường hợp Tập đoàn không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Tập đoàn vẫn còn nắm quyền kiểm soát. Trong trường hợp Tập đoàn không còn nắm quyền kiểm soát công ty con nhưng công ty con đang trong quá trình chuyển nhượng vẫn chưa hoàn tất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn vẫn hợp nhất báo cáo tài chính vào ngày mất quyền kiểm soát và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của công ty con này vào báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất vào báo cáo của Tập đoàn theo phương pháp giá mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|---|--|
| Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ và hàng hóa | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. |

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tập đoàn, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 50 năm
Máy móc thiết bị	3 - 25 năm
Phương tiện vận chuyển	2 - 30 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm
Phần mềm máy tính	5 - 8 năm
Tài sản khác	3 - 20 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn (tiếp theo)

Khấu hao các vườn cây

Chi tiết như sau:

Năm khai thác	Vườn cây cao su	Tỷ lệ khấu hao (%)		Vườn mít	Vườn xoài
		Vườn thanh long			
	(i)	(ii)		(iii)	(iv)
Năm thứ 1	2,50	1,00		0,82	0,30
Năm thứ 2	2,80	3,40		1,75	1,00
Năm thứ 3	3,50	5,00		4,08	2,20
Năm thứ 4	4,40	6,70		5,83	4,30
Năm thứ 5	4,80	8,40		5,83	5,80
Năm thứ 6	5,40	8,40		5,83	5,80
Năm thứ 7	5,40	8,40		5,83	5,80
Năm thứ 8	5,10	8,40		5,83	5,80
Năm thứ 9	5,10	8,40		5,83	5,80
Năm thứ 10	5,00	8,40		5,83	5,80
Năm thứ 11	7,00	6,70		5,83	5,80
Năm thứ 12	6,60	6,70		5,83	5,80
Năm thứ 13	6,20	6,70		5,83	5,80
Năm thứ 14	5,90	6,70		5,83	5,80
Năm thứ 15	5,50	Giá trị còn lại		5,83	5,80
Năm thứ 16	5,40			4,67	5,80
Năm thứ 17	5,00			4,67	5,80
Năm thứ 18	5,50			4,67	5,80
Năm thứ 19	5,20			4,67	5,80
Năm thứ 20	Giá trị còn lại			Giá trị còn lại	Giá trị còn lại

Vườn cây cao su

Ban Giám đốc ước tính tiêu chuẩn xác định vườn cây đủ điều kiện khai thác để hạch toán tài sản và trích khấu hao khi tỷ lệ cây đủ tiêu chuẩn cạo mủ (chu vi thân cây đo cách mặt đất 1m đạt từ 45cm trở lên và độ dày vỏ ở độ cao 1m cách mặt đất đạt từ 6mm trở lên) đạt trên 70% số cây còn sống trong lô.

Vườn cây ăn trái

Ban Giám đốc ước tính tiêu chuẩn xác định vườn cây đủ điều kiện khai thác để hạch toán tài sản và trích khấu hao khi tỷ lệ đậu trái đạt trên 50% số cây trồng trong lô kể từ thời gian xử lý ra trái.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Khấu hao và hao mòn* (tiếp theo)

Khấu hao các vườn cây (tiếp theo)

Vườn cọ dầu

Căn cứ theo Báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá vườn cây cọ dầu của Tập đoàn được thực hiện bởi Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Trung Bộ và Tây Nguyên vào tháng 8 năm 2017, Ban Giám đốc Tập đoàn ước tính thời gian kiến thiết cơ bản ban đầu của vườn cây cọ dầu là sáu (6) năm, phù hợp với đặc điểm sinh trưởng, phát triển của các vườn cây cọ dầu của Tập đoàn tại Campuchia và Lào.

Theo đó, Tập đoàn bắt đầu kết chuyển các vườn cây đang phát triển dở dang thành tài sản cố định và bắt đầu trích khấu hao khi tiêu chuẩn xác định vườn cây đủ điều kiện khai thác thỏa mãn.

- (i) Khấu hao đối với vườn cây cao su được thực hiện dựa trên Công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 9 tháng 2 năm 2010 của Cục Tài chính Doanh nghiệp - Bộ Tài chính hướng dẫn trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác hai mươi (20) năm.
- (ii) Khấu hao đối với vườn cây thanh long được thực hiện dựa trên Quyết định số 115/17/QĐ-HAGL Agrico ngày 8 tháng 8 năm 2017 của Ban Giám đốc hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây thanh long theo chu kỳ khai thác.
- (iii) Khấu hao đối với vườn mít được thực hiện dựa trên Quyết định số 0111/QĐ-HAGL Agrico ngày 1 tháng 11 năm 2018 của Ban Giám đốc hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây mít theo chu kỳ khai thác.
- (iv) Khấu hao đối với vườn xoài được thực hiện dựa trên Quyết định số 0101/18/QĐ-HAGL Agrico ngày 2 tháng 1 năm 2018 của Ban Giám đốc hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây xoài theo chu kỳ khai thác.
- (v) Khấu hao đối với vườn chuối được thực hiện dựa trên Thông báo số 0205/19/TB-HAGL Agrico ngày 2 tháng 5 năm 2019 của Ban Giám đốc hướng dẫn trích khấu hao vườn chuối theo phương pháp đường thẳng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc 23 - 43 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán bất động sản với giá trị còn lại của nó được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản vào ngày chuyển đổi.

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển các tòa nhà, vườn cây của Tập đoàn mà các dự án này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc của Tập đoàn như chi phí xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí có liên quan khác.

Vườn cây

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su, cây cọ dầu, vườn cây ăn quả và các vườn cây khác như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Trường hợp tài sản cho thuê dài hạn thỏa các điều kiện sẽ được ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, trừ khi các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các kỳ mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước, chi phí phát triển vườn cây ăn quả, chi phí khai hoang, chi phí phát triển cầu thủ và các chi phí khác. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

- ▶ Tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, được phân bổ dần không quá ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- ▶ Chi phí phát triển cây ăn quả, vườn cây khác, chi phí khai hoang bao gồm: chi phí giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn. Các chi phí này được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của từng loại cây. Chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn cây được phân bổ theo thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này; và
- ▶ Chi phí đào tạo cầu thủ bao gồm các chi phí liên quan đến việc đào tạo và phát triển các cầu thủ thuộc Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai - Arsenal JMG ("HAGL-JMG"). Chi phí đào tạo cầu thủ được phân bổ tám (8) năm căn cứ theo thời hạn hợp đồng đã ký kết giữa HAGL-JMG với các cầu thủ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý vào ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

Trong trường hợp Công ty mua lợi ích của cổ đông không kiểm soát của công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ tương ứng với lợi ích của cổ đông không kiểm soát được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Trong trường hợp mua công ty con mà công ty con này không phải là doanh nghiệp kinh doanh thì giao dịch được xem là mua tài sản và khi đó những tài sản mua và các khoản nợ phải trả gánh chịu được xác định cụ thể và ghi nhận. Giá mua sẽ được phân bổ cho các tài sản và nợ phải trả được xác định cụ thể trên cơ sở giá trị hợp lý vào ngày mua.

3.13 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào các công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của các công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của các công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào các công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của các công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào đơn vị khác

Đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) và đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong năm của trái phiếu chuyển đổi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo các nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân trong năm; và
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

3.18 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

► *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

► *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.20 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Doanh thu bán căn hộ

Doanh thu bán căn hộ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán căn hộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư

Thu nhập từ chuyển nhượng các khoản đầu tư được ghi nhận tại ngày các bên tham gia hoàn tất các quyền lợi và nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng.

3.21 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.22 Dự phòng

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.24 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Mua thêm cổ phần trong Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG")

Trong năm, Hưng Thắng Lợi mua thêm 43.145.000 cổ phiếu của HNG từ cổ đông không kiểm soát. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Hưng Thắng Lợi trong HNG tăng từ 5,64% lên 10,50%, đồng thời tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HNG tăng từ 63,33% lên 68,10%.

Chênh lệch giữa giá phí đầu tư thêm và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Tập đoàn trong HNG vào ngày giao dịch là 174.104.459 ngàn VND đã được ghi nhận giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Mua thêm và thanh lý cổ phần trong Công ty Cổ phần An Đông Mía ("ADM")

Vào ngày 1 tháng 3 năm 2019, HNG mua thêm 80.000 cổ phiếu của ADM từ BSTN, đồng thời, BSTN đã chuyển nhượng 20.000 cổ phiếu ADM còn lại cho các cá nhân khác. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của HNG trong ADM tăng từ 99,50% lên 99,90%, đồng thời tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong ADM tăng từ 63,02% lên 63,27%.

Chênh lệch giữa giá phí đầu tư thêm và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Tập đoàn trong ADM vào ngày giao dịch là 1.156.463 ngàn VND đã được ghi nhận tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty TNHH Đông Pênh ("Đông Pênh") phát hành thêm 28.125.000 cổ phần cho HNG

Vào ngày 19 tháng 4 năm 2019, Đông Pênh đã hoàn tất việc phát hành riêng lẻ 28.125.000 cổ phần cho HNG. Theo đó, vốn cổ phần của Đông Pênh tăng từ 200.000.000 ngàn VND lên 481.250.000 ngàn VND, tỷ lệ sở hữu của HNG trong Đông Pênh tăng từ 99,70% lên 99,875%, đồng thời tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Đông Pênh tăng từ 63,27% lên 63,31%.

Giải thể Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu ("CSDA")

Vào ngày 2 tháng 5 năm 2019, CSDA đã hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để giải thể hoạt động. Theo đó, Tập đoàn đã ghi nhận khoản lỗ là 8.268.957 ngàn VND từ việc giải thể công ty con này vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Bán 60 triệu cổ phiếu HNG

Vào ngày 7 tháng 8 năm 2019, Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng 60 triệu cổ phiếu HNG cho bên thứ ba. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HNG từ 68,10% xuống còn 61,34%. Chênh lệch giữa giá bán và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Tập đoàn trong HNG ngày giao dịch là 200.574.518 ngàn VND đã được ghi nhận tăng lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

HNG chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành vốn cổ phần

Vào ngày 9 tháng 8 năm 2019, HNG đã hoàn tất việc phát hành thêm 221.710.000 cổ phiếu phổ thông để chuyển đổi 221.710 trái phiếu với tổng giá trị là 2.217.100.000 ngàn VND (Thuyết minh "TM" số 24.1). Việc phát hành trên đã được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 0605/18/NQĐHĐCĐ-HAGL Agrico ngày 6 tháng 5 năm 2018, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0605-1/18/NQHĐQT-HAGL Agrico ngày 6 tháng 5 năm 2018 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 3007/19/NQHĐQT-HAGL Agrico ngày 30 tháng 7 năm 2019.

Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của HNG tăng từ 8.868.438.950 ngàn VND lên 11.085.538.950 ngàn VND, tương ứng làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HNG từ 61,34% xuống còn 49,07%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

Chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu trong Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương và các công ty con ("Nhóm Cao su Đông Dương"); Công ty TNHH Đông Pênh và các công ty con ("Nhóm Đông Pênh") và Công ty TNHH MTV Cao su Trung Nguyên ("CSTN")

Vào ngày 24 tháng 9 năm 2019, HNG đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong Nhóm Cao su Đông Dương, Nhóm Đông Pênh và CSTN cho Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến và Phân phối Nông nghiệp Thadi ("Thadi") theo Thỏa thuận Hứa Mua bán Cổ phần - Phần vốn góp ngày 4 tháng 4 năm 2019, với tổng giá trị chuyển nhượng là 6.993.691.293 ngàn VND. Các giao dịch chuyển nhượng này đã được thông qua bởi các Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1706/19/NQ-HĐQT HAGL Agrico ngày 17 tháng 6 năm 2019, số 1908/19/NQ-HĐQT HAGL Agrico ngày 19 tháng 8 năm 2019 và số 0909/19/NQ-HĐQT HAGL Agrico ngày 9 tháng 9 năm 2019. Theo đó, số tiền lãi là 1.047.276.345 ngàn VND từ việc thanh lý này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thanh lý toàn bộ quyền sở hữu trong Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh ("HAN")

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2019, Hội đồng quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 3009/19/NQ-HĐQT-HAGL về việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần thuộc sở hữu của Công ty chiếm 47,89% vốn điều lệ tại HAN cho Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh. Chênh lệch giữa giá bán và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Tập đoàn trong HAN vào ngày giao dịch là 277.017.218 ngàn VND đã được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Bán cổ phần Hưng Thắng Lợi

Trong năm, Công ty đã bán 15.527.300 cổ phần tương ứng với 19,78% tỷ lệ sở hữu trong Hưng Thắng Lợi cho bên thứ ba. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Hưng Thắng Lợi giảm từ 98,00% xuống còn 78,22%, đồng thời tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HNG giảm từ 49,07% xuống còn 47,41%. Chênh lệch giữa giá phí đầu tư và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Tập đoàn trong Hưng Thắng Lợi vào ngày giao dịch là 55.244.444 ngàn VND đã được ghi nhận tăng lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Thanh lý toàn bộ quyền sở hữu trong Công ty TNHH Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai

Vào ngày 10 tháng 12 năm 2019, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp với tổng giá trị là 2.532.179.575 ngàn VND, tương ứng với 99,40% tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty TNHH Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai cho bên thứ ba. Chênh lệch giữa giá bán và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Tập đoàn trong Công ty TNHH Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai vào ngày giao dịch là 589.318.492 ngàn VND đã được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

5. TIỀN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	8.826.812	14.888.915
Tiền đang chuyển	18.544.000	-
Tiền gửi ngân hàng	227.060.804	322.847.804
TỔNG CỘNG	254.431.616	337.736.719

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ dịch vụ xây dựng	777.223.573	784.539.432
Trong đó:		
- Phải thu Chính phủ Lào cho việc xây dựng sân bay (*)	743.082.757	748.511.168
- Phải thu từ các khách hàng khác	34.140.816	36.028.264
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	493.726.186	1.640.202.928
Trong đó:		
- Công ty TNHH Dịch Vụ Nông Nghiệp Tây Nguyên	79.448.210	71.906.701
- Công ty TNHH MTV Daun Pênh Agrico	80.108.487	51.830.676
- Công ty TNHH MTV Thương Mại Thành An	58.758.858	62.137.736
- Các khách hàng khác	275.410.631	1.454.327.815
Phải thu tiền bán căn hộ	5.349.575	9.044.677
Phải thu về thanh lý tài sản, bất động sản đầu tư và chuyển nhượng dự án	275.065.000	542.589.899
Trong đó:		
- Công ty TNHH Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	249.045.000	-
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Heygo	-	516.200.000
- Các khách hàng khác	26.020.000	26.389.899
TỔNG CỘNG	1.551.364.334	2.976.376.936
Trong đó:		
Phải thu các bên liên quan (TM số 34.2)	99.460.182	307.145.551
Phải thu các bên khác	1.451.904.152	2.669.231.385

Chi tiết tình hình biến động tăng, giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	37.286.654	21.721.909
Dự phòng trích lập trong năm	18.242.767	21.320.234
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(27.086.498)	(5.755.489)
Số cuối năm	28.442.923	37.286.654

(*) Khoản phải thu Chính phủ Lào thể hiện khoản xây dựng sân bay quốc tế Attapeu và sân bay quốc tế Nongkhang tại Lào. Khoản phải thu này sẽ được căn trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Trả trước cho việc mua đất và dự án (*)	240.311.324	248.679.631
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	108.160.565	117.068.745
Trả trước cho nhà thầu của các công trình xây dựng và mua máy móc, thiết bị	25.671.177	60.177.999
Trả trước cho người bán khác	507.662	1.188.097
TỔNG CỘNG	374.650.728	427.114.472
Trong đó:		
Trả trước các bên liên quan (TM số 34.2)	2.299.803	33.621.109
Trả trước các bên khác	372.350.925	393.493.363

(*) Số dư này thể hiện số tiền tạm ứng cho Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khản Xay liên quan đến việc nhận chuyển nhượng dự án cây cao su và cây mít tại Bản Vật Luồng, Huyện Samackhixay, Tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đang tiến hành hoàn tất các thủ tục pháp lý về nhận chuyển nhượng.

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Ngắn hạn		
Cho vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 34.2) (i)	2.052.173.055	633.710.952
Cho vay ngắn hạn các bên khác (ii)	215.195.363	91.177.884
	2.267.368.418	724.888.836
Dài hạn		
Cho vay dài hạn bên liên quan (TM số 34.2) (i)	7.453.259.203	6.130.524.711
Cho vay dài hạn Chính phủ Lào - Dự án sân bay quốc tế Attapeu (iii)	17.305.361	15.020.312
Cho vay dài hạn các bên khác (ii)	43.380.902	42.880.908
	7.513.945.466	6.188.425.931
TỔNG CỘNG	9.781.313.884	6.913.314.767

Chi tiết tình hình biến động dự phòng phải thu về cho vay khó đòi:

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Số đầu năm	-	-
Dự phòng trích lập trong năm	34.759.378	-
Số cuối năm	34.759.378	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

- (i) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan có thời hạn hoàn trả chậm nhất đến năm 2023.
- (ii) Cho vay dài hạn và ngắn hạn các bên khác thể hiện khoản cho vay tín chấp các công ty và các cá nhân với thời hạn hoàn trả đến năm 2023 với lãi suất trung bình từ 9,00% đến 12,50%/năm, chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	101.612.388	-
Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê	36.340.405	36.340.405
Bà Kiều Ngọc Hoa	30.000.000	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Heygo	5.075.431	5.075.431
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên (*)	4.647.519	-
Khác	80.900.522	92.642.956
TỔNG CỘNG	258.576.265	134.058.792

(*) Từ ngày 1 tháng 1 năm 2019, Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên không còn là bên liên quan của Tập đoàn.

- (iii) Khoản cho Chính phủ Lào vay - Dự án sân bay quốc tế Attapeu thể hiện khoản cho Chính phủ Lào vay không tính lãi theo Hợp đồng tín dụng được ký kết với Chính phủ Lào vào ngày 23 tháng 5 năm 2013 để hỗ trợ tài chính xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào. Khoản vay này sẽ được cân trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ gốc (USD)	748.826	648.826
Nợ gốc (Ngàn VND)	17.305.361	15.020.312

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Ngân VND Số đầu năm
Ngắn hạn	467.023.910	656.027.274
Cho các công ty mượn	320.503.405	226.611.576
Tạm ứng cho nhân viên	55.608.929	163.893.229
Lãi cho vay các công ty	54.427.339	227.438.092
Phải thu ngắn hạn khác	36.484.237	38.084.377
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên liên quan (TM số 34.2)</i>	<i>268.744.714</i>	<i>457.258.949</i>
<i>Phải thu các bên khác</i>	<i>198.279.196</i>	<i>198.768.325</i>
Dài hạn	747.838.961	342.673.458
Lãi cho vay các công ty	735.099.245	329.230.801
Phải thu dài hạn khác	12.739.716	13.442.657
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu dài hạn các bên liên quan (TM số 34.2)</i>	<i>734.688.234</i>	<i>329.540.303</i>
<i>Phải thu các bên khác</i>	<i>13.150.727</i>	<i>13.133.155</i>
TỔNG CỘNG	1.214.862.871	998.700.732

Chi tiết tình hình biến động dự phòng phải thu khác khó đòi:

	Năm nay	Ngân VND Năm trước
Số đầu năm	-	-
Dự phòng trích lập trong năm	28.128.474	-
Số cuối năm	28.128.474	-
<i>Trong đó:</i>		
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	<i>27.874.871</i>	<i>-</i>
<i>Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi</i>	<i>253.603</i>	<i>-</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.711.671.121	1.062.575.678
Trong đó:		
Hoạt động sản xuất	856.080.345	428.160.396
Hoạt động xây dựng (i)	855.590.776	629.555.879
Chi phí nuôi bò thịt	-	4.859.403
Nguyên vật liệu	282.336.032	172.407.850
Thành phẩm	156.551.372	55.406.832
Hàng hóa	42.046.510	35.320.022
Công cụ, dụng cụ	30.523.755	47.088.667
Cần hộ sẵn sàng để bán	-	36.395.297
TỔNG CỘNG	2.223.128.790	1.409.194.346
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(21.572.100)	(11.970.940)
GIÁ TRỊ THUẦN	2.201.556.690	1.397.223.406

- (i) Số tiền này chủ yếu thể hiện khoản chi phí sản xây dựng sân bay dở dang theo Hợp đồng Xây dựng Sân bay Quốc tế Nongkhang tại Tỉnh Huaphan, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào số No.LAO - NKP01, ngày 15 tháng 6 năm 2013, với tổng giá trị nghiệm thu lần 1 cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 25.584.644 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2018 là: 25.584.644 USD). Theo Quyết định số 16453/GTVT ngày 12 tháng 7 tháng 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông công chính và Vận tải Chính phủ Lào đã phê duyệt gia hạn Hợp đồng Xây dựng Sân bay Quốc tế Nongkhang tại Tỉnh Huaphan, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Tiếp theo đó, vào ngày 4 tháng 2 năm 2020, Tập đoàn đã nhận được Thông báo số 818/DASP từ Cục Hàng không dân dụng, Bộ Giao thông công chính và Vận tải Chính phủ Lào, yêu cầu Tập đoàn làm công văn xin gia hạn tiếp theo đến ngày 30 tháng 11 năm 2020, nhằm hoàn tất việc xây dựng dự án. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn vẫn đang trong quá trình làm công văn gia hạn cho dự án.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Cây trồng lâu năm và vật nuôi	Tài sản khác	Tổng cộng
							Ngàn VND
Nguyên giá							
Số đầu năm	2.097.943.242	580.320.202	2.373.421.739	7.245.456	7.893.627.697	53.633.514	13.006.191.850
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	456.749.414	23.379.189	294.608.325	-	2.371.691.642	4.065.627	3.150.494.197
Mua trong năm	82.048.315	77.178.773	70.424.872	2.733.085	-	5.730.550	238.115.595
Chênh lệch tỷ giá	(57.563.116)	(10.798.419)	(66.464.644)	(49.842)	(242.948.800)	(439.183)	(378.264.004)
Thanh lý	(173.218.181)	(37.690.131)	(7.103.386)	(206.330)	(1.087.992.633)	(42.208)	(1.306.252.869)
Thanh lý các công ty con	(195.462.114)	(41.970.131)	(511.513.305)	(2.928.320)	(1.343.666.869)	(4.181.861)	(2.099.722.600)
Khác	1.307.691	1.379.156	166.702	-	1.051.532	-	3.905.081
Số cuối năm	2.211.805.251	591.798.639	2.153.540.303	6.794.049	7.591.762.569	58.766.439	12.614.467.250
Giá trị khấu hao lũy kế							
Số đầu năm	(499.540.164)	(304.967.450)	(606.329.670)	(6.481.628)	(600.015.654)	(31.988.905)	(2.049.323.471)
Khấu hao trong năm	(162.720.140)	(67.750.662)	(191.245.878)	(758.817)	(452.263.649)	(5.714.689)	(880.453.835)
Chênh lệch tỷ giá	13.769.102	6.370.136	17.202.143	33.595	20.903.545	285.929	58.564.450
Thanh lý	91.109.839	34.301.648	6.477.415	205.197	92.761.898	42.209	224.898.206
Thanh lý các công ty con	61.327.938	21.361.861	84.717.457	2.303.261	109.666.597	1.089.343	280.466.457
Khác	-	(1.379.154)	-	-	-	-	(1.379.154)
Số cuối năm	(496.053.425)	(312.063.621)	(689.178.533)	(4.698.392)	(828.947.263)	(36.286.113)	(2.367.227.347)
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	1.598.403.078	275.352.752	1.767.092.069	763.828	7.293.612.043	21.644.609	10.956.868.379
Số cuối năm	1.715.751.826	279.735.018	1.464.361.770	2.095.657	6.762.815.306	22.480.326	10.247.239.903
Trong đó:							
Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết	23.454.764	51.086.781	65.243.672	3.628.552	6.689.440	8.847.015	158.950.224
Tài sản sử dụng để cầm cố/thế chấp	1.239.773.422	242.606.878	1.408.741.752	28.305	5.649.883.681	14.762.308	8.555.796.346
các khoản vay (TM số 24)							

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Ngân VND
			Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	32.373.674	82.969.798	115.343.472
Thanh lý các công ty con	(447.420)	(18.254.824)	(18.702.244)
Xóa sổ tài sản	-	(47.863.975)	(47.863.975)
Xóa sổ tài sản đã hao mòn hết	-	(333.210)	(333.210)
Số cuối năm	31.926.254	16.517.789	48.444.043
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	(1.414.297)	(53.164.805)	(54.579.102)
Hao mòn trong năm	(332.404)	(9.490.093)	(9.822.497)
Thanh lý các công ty con	167.783	13.253.017	13.420.800
Xóa sổ tài sản	-	35.399.398	35.399.398
Xóa sổ tài sản đã hao mòn hết	-	333.210	333.210
Số cuối năm	(1.578.918)	(13.669.273)	(15.248.191)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	30.959.377	29.804.993	60.764.370
Số cuối năm	30.347.336	2.848.516	33.195.852
<i>Trong đó:</i>			
Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết	-	295.816	295.816
Tài sản sử dụng để cầm cố/thế chấp các khoản vay (TM số 24)	25.278.179	-	25.278.179

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Ngàn VND Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm	27.072.022	15.001.180	42.073.202
Kết chuyển từ hàng tồn kho	-	32.002.629	32.002.629
Số cuối năm	27.072.022	47.003.809	74.075.831
Giá trị khấu hao lũy kế			
Số đầu năm	(2.218.183)	(2.750.216)	(4.968.399)
Khấu hao trong năm	(739.394)	(500.039)	(1.239.433)
Số cuối năm	(2.957.577)	(3.250.255)	(6.207.832)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	24.853.839	12.250.964	37.104.803
Số cuối năm	24.114.445	43.753.554	67.867.999
<i>Trong đó:</i> <i>Tài sản sử dụng để cầm cố/thế chấp các khoản vay (TM số 24)</i>	24.114.445	43.753.554	67.867.999

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	<i>Ngàn VND Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	3.366.332	509.461.750
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	1.239.432	227.734.536

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2019. Tuy nhiên, dựa trên tỷ lệ cho thuê của các tài sản này, Ban Giám đốc Tập đoàn tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Chi phí phát triển vườn cây ăn quả	4.672.843.963	3.450.277.699
Chi phí phát triển vườn cây cao su	3.168.482.172	5.957.078.605
Chi phí phát triển vườn cây cọ dầu	2.554.744.875	3.523.865.660
Nhà xưởng và nhà máy nông trường	647.942.539	917.377.456
Chi phí đào tạo học viên bóng đá HAGL-JMG	41.937.787	56.679.237
Nhà máy thủy điện	-	3.379.400.885
Chi phí phát triển vườn tiêu	-	30.405.295
Các công trình khác	143.811.528	116.204.705
TỔNG CỘNG	11.229.762.864	17.431.289.542

Vườn cây cao su, cây cọ dầu, vườn cây ăn quả và các công trình khác đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Tập đoàn (TM số 24).

15. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Tập đoàn đã vốn hóa chi phí đi vay trị giá 421.936.078 ngàn VND (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018: 688.769.817 ngàn VND). Các khoản chi phí đi vay này phát sinh từ các khoản vay ngân hàng và phát hành trái phiếu để sử dụng cho việc xây dựng và phát triển các tài sản cố định, cao su, cọ dầu và các dự án khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư
		(%)	Ngàn VND	(%)	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar (*)	Trồng cây cao su	49,14	265.503.612	49,14	263.399.088
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Tư vấn và thiết kế	25,00	7.609.521	25,00	7.609.521
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Bất động sản	-	-	47,89	2.500.883.911
TỔNG CỘNG			273.113.133		2.771.892.520

Theo tỷ lệ sở hữu của công ty con trong Tập đoàn trực tiếp đầu tư vào các công ty này.

(*) Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar ("Bidiphar") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3503000155 do SKHĐT Tỉnh Bình Định cấp vào ngày 14 tháng 9 năm 2007 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Hoạt động kinh doanh chính của Bidiphar là trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su.

Giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

	Ngàn VND
	<i>Tổng cộng</i>
Giá gốc đầu tư	
Số đầu năm	2.697.196.178
Thanh lý	(2.429.842.267)
Số cuối năm	267.353.911
Phần lợi nhuận lũy kế sau khi đầu tư	
Số đầu năm	74.696.342
Lợi nhuận từ công ty liên kết trong năm	12.562.347
Thanh lý	(71.041.644)
Cổ tức trong năm	(10.457.823)
Số cuối năm	5.759.222
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	2.771.892.520
Số cuối năm	273.113.133

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí khai hoang	240.352.484	209.442.959
Tiền thuê đất	69.091.972	76.019.489
Chi phí đào tạo học viên bóng đá HAGL-JMG	39.802.957	29.512.341
Công cụ, dụng cụ	15.677.456	23.719.114
Chi phí thuê văn phòng	5.102.262	5.333.584
Chi phí phát triển vườn cây ăn quả	-	62.327.182
Chi phí trả trước dài hạn khác	11.549.728	12.101.324
TỔNG CỘNG	381.576.859	418.455.993

18. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Ngàn VND	
	Giá trị	
Nguyên giá		
Số đầu năm		4.086.295.173
Thanh lý		(2.507.005.191)
Số cuối năm		1.579.289.982
Giá trị phân bổ lũy kế		
Số đầu năm		(865.148.325)
Phân bổ trong năm		(315.937.136)
Thanh lý		580.667.048
Số cuối năm		(600.418.413)
Giá trị còn lại		
Số đầu năm		3.221.146.848
Số cuối năm		978.871.569

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	991.975.634	463.476.493
- Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến và Phân phối Nông nghiệp Thadi	207.569.777	-
- Khác	784.405.857	463.476.493
Phải trả nhà thầu xây dựng	19.491.735	10.293.479
Phải trả người bán khác	3.526.393	138.626
TỔNG CỘNG	1.014.993.762	473.908.598
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả các bên khác	939.356.892	436.058.220
Phải trả các bên liên quan (TM số 34.2)	75.636.870	37.850.378

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Khách hàng thương mại trả tiền trước	238.750.940	105.842.347
Chaleun Sekong Group ứng tiền trước	-	2.258.871.961
mua thủy điện		
Khác	517.884	46.374.644
TỔNG CỘNG	239.268.824	2.411.088.952

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 33.1)	30.664.436	2.253.490	(12.947.293)	19.970.633
Thuế thu nhập cá nhân	10.310.609	6.953.935	(8.094.023)	9.170.521
Thuế giá trị gia tăng	7.524.975	29.448.702	(35.744.592)	1.229.085
Thuế khác	9.216.503	3.361.470	(10.350.334)	2.227.639
TỔNG CỘNG	57.716.523	42.017.597	(67.136.242)	32.597.878

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	3.133.743.647	2.965.310.282
Chi phí hoạt động	833.435.274	1.067.053.924
Chi phí phát hành trái phiếu	43.414.660	43.414.660
TỔNG CỘNG	4.010.593.581	4.075.778.866
Trong đó:		
Ngắn hạn	2.020.469.752	2.045.910.162
Dài hạn	1.990.123.829	2.029.868.704

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. PHẢI TRẢ KHÁC

		Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Ngắn hạn		920.339.356	1.130.795.710
Phải trả các công ty và cá nhân khác	(i)	556.542.089	1.009.733.136
Phải trả tiền thuê đất		69.533.695	78.988.748
Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh	(ii)	36.000.000	-
Phải trả lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh		17.989.667	-
Phí bảo trì căn hộ		-	9.573.496
Các khoản khác		240.273.905	32.500.330
<i>Trong đó:</i>			
<i>Phải trả ngắn hạn các bên liên quan</i>			
<i>(TM số 34.2)</i>		275.123.017	202.914.128
<i>Phải trả ngắn hạn các bên khác</i>		645.216.339	927.881.582
Dài hạn		570.972.657	980.019.908
Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh	(ii)	285.000.000	835.000.000
Tiền thuê đất phải trả		112.751.757	109.415.187
Các khoản khác		173.220.900	35.604.721
<i>Trong đó:</i>			
<i>Phải trả dài hạn các bên liên quan</i>			
<i>(TM số 34.2)</i>		285.000.000	844.725.774
<i>Phải trả dài hạn các bên khác</i>		285.972.657	135.294.134
TỔNG CỘNG		1.491.312.013	2.110.815.618

- (i) Số dư này thể hiện khoản mượn tiền không lãi suất và không thế chấp từ các công ty và các cá nhân là bên liên quan và bên ngoài Tập đoàn cho mục đích bổ sung vốn lưu động.
- (ii) Thể hiện phần vốn góp nhận được từ các HĐHTKD được ký kết ngày 24 tháng 9 năm 2018 và ngày 23 tháng 10 năm 2019 với các cá nhân về việc hợp tác đầu tư vào các dự án trồng cây ăn trái của Công ty. Các HĐHTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được chia dựa vào kết quả kinh doanh của dự án nhưng không thấp hơn 12% trên tổng số tiền đầu tư với thời hạn hợp tác là ba (3) năm hoặc sáu (6) tháng kể từ ngày hợp đồng.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Chuyển đổi thành cổ phần	Phân loại lại	Số cuối năm
						Ngàn VND
Vay ngắn hạn						
Trái phiếu chuyển đổi (TM số 24.1)	2.153.212.703	63.887.297	-	(2.217.100.000)	-	-
Vay ngắn hạn ngân hàng (TM số 24.2)	912.868.528	1.184.209.819	(1.199.573.468)	-	-	897.504.879
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (TM số 24.4)	1.537.972.526	-	(788.659.718)	-	787.221.818	1.536.534.626
Vay dài hạn trái phiếu thường đến hạn trả (TM số 24.3)	913.992.913	61.696	(1.469.949.231)	-	675.894.622	120.000.000
Vay ngắn hạn khác (TM số 24.5)	1.431.756.657	2.509.781.792	(2.743.119.250)	-	-	1.198.419.199
	<u>6.949.803.327</u>	<u>3.757.940.604</u>	<u>(6.201.301.667)</u>	<u>(2.217.100.000)</u>	<u>1.463.116.440</u>	<u>3.752.458.704</u>
Vay dài hạn						
Trái phiếu thường (TM số 24.3)	10.069.320.859	9.813.869	(2.358.552.945)	-	(675.894.622)	7.044.687.161
Vay dài hạn ngân hàng (TM số 24.4)	4.604.709.171	-	(721.827.779)	-	(787.221.818)	3.095.659.574
Vay dài hạn khác (TM số 24.5)	129.709.600	805.260.834	(129.709.600)	-	-	805.260.834
	<u>14.803.739.630</u>	<u>815.074.703</u>	<u>(3.210.090.324)</u>	<u>-</u>	<u>(1.463.116.440)</u>	<u>10.945.607.569</u>
TỔNG CỘNG	21.753.542.957	4.573.015.307	(9.411.391.991)	(2.217.100.000)	-	14.698.066.273

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.1 Trái phiếu chuyển đổi

Vào ngày 9 tháng 8 năm 2019, HNG đã hoàn tất việc phát hành thêm 221.710.000 cổ phiếu phổ thông cho Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải và trái chủ khác để chuyển đổi 221.710 trái phiếu với tổng giá trị là 2.217.100.000 ngàn VND. Việc phát hành trên đã được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 0605/18/NQĐHĐCĐ-HAGL Agrico ngày 6 tháng 5 năm 2018, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0605-1/18/NQHĐQT-HAGL Agrico ngày 6 tháng 5 năm 2019 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 3007/19/NQHĐQT-HAGL Agrico ngày 30 tháng 7 năm 2019.

Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của HNG tăng từ 8.868.438.950 ngàn VND lên 11.085.538.950 ngàn VND, tương ứng làm giảm tỷ lệ sở hữu của Công ty trong HNG từ 61,34% xuống còn 49,07%.

Chi tiết của khoản trái phiếu chuyển đổi như sau:

	Ngàn VND Giá trị
Giá trị vay chuyển đổi	2.217.100.000
Cấu phần vốn chủ sở hữu	(105.576.190)
Cấu phần nợ gốc ghi nhận ban đầu	2.111.523.810
Cộng: Giá trị phân bổ lũy kế phần giá trị chiết khấu	105.576.190
Số đầu năm	41.941.226
Số phân bổ tăng trong năm	63.634.964
Số cuối năm	105.576.190
Cấu phần nợ gốc tại ngày chuyển đổi	2.217.100.000
Hoán đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông	(2.217.100.000)
Giá trị trái phiếu tại ngày cuối năm	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.2 Vay ngắn hạn ngân hàng

	Số cuối năm	Ngân VND Số đầu năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPBank")	599.732.982	599.911.828
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt ("Ngân hàng Lào - Việt")	273.664.995	207.207.636
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Campuchia ("Sacombank")	18.962.528	83.346.445
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	5.144.374	22.402.619
TỔNG CỘNG	897.504.879	912.868.528

Các khoản vay ngắn hạn được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Tập đoàn. Các khoản vay này chịu lãi suất thả nổi và được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, nhà xưởng và văn phòng, máy móc thiết bị, vườn cây cao su, vườn cây cọ dầu của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.2 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay như sau:

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 11, 12, 13 và 14)
TPBank, Hội sở Hà Nội	599.732.982	Từ ngày 10 tháng 3 năm 2020 đến ngày 30 tháng 9 năm 2020	Bảng tổng lãi suất tiết kiệm 3 tháng TPBank cộng với biên độ 3,20 (2019: 10,50)	Quyền sử dụng và khai thác trên diện tích 925 ha thuộc sở hữu Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia); 32.829.686 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; Quyền sử dụng và khai thác 453,7 ha đất trồng trái cây thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng.
Ngân hàng Lào - Việt, Chi nhánh Attapeu (*)	273.664.995	Từ ngày 8 tháng 5 năm 2020 đến ngày 23 tháng 10 năm 2020	Từ 8,00 đến 9,00	Trụ sở làm việc của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng tại Bản NongYoi, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào trên thửa đất số 03; Toàn bộ công trình dự án trồng 853 ha cây chanh dây tại Bản Phanoudong, Bản Nongkuang, Bản Huội Kong, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào, toàn bộ công trình vườn tiêu trồng 26,7 ha tại Bản Nongkuang, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào và 66.623 ha đất tại Huyện La Man, Tỉnh Sê Kông, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng.
Sacombank, Chi nhánh Campuchia	18.962.528	Ngày 29 tháng 2 năm 2020	9,00	Toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thuộc sở hữu của Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas; Quyền sử dụng và khai thác trên diện tích 463,4 ha cao su thuộc dự án của Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav.
BIDV, Chi nhánh Gia Lai	5.144.374	Từ ngày 8 tháng 4 năm 2020 đến ngày 9 tháng 5 năm 2020	Từ 9,00 đến 9,50	Máy móc thiết bị, 3 xe ô tô biển số 81A-015.78; 81B-004.56; 81B-002.48 của Bệnh viện HAGL và công trình Bệnh viện HAGL.

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đã không còn trồng chanh dây và tiêu tại Bản Phanoudong, Bản Nongkuang, Bản Huội Kong, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.3 Trái phiếu thường

Chi tiết trái phiếu thường như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Số cuối năm	Ngàn VND
		Số đầu năm
BIDV và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC")	5.876.000.000	5.876.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia ("PHUGIASC")	930.000.000	930.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS")	300.000.000	300.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	120.000.000	180.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Euro Capital ("ECS")	-	1.694.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS	-	991.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT ("FPTS") và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("VPB")	-	594.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB ("IBSC")	-	489.502.177
Chi phí phát hành trái phiếu	(61.312.839)	(71.188.405)
TỔNG CỘNG	7.164.687.161	10.983.313.772
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trái phiếu dài hạn</i>	7.044.687.161	10.069.320.859
<i>Trái phiếu dài hạn đến hạn trả</i>	120.000.000	913.992.913

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.3 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền (Ngàn VND)	Lãi suất (%/năm)	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản thế chấp (TM số 11, 12, 13 và 14)
BIDV và BSC	BIDV (*)	5.876.000.000	Trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng bằng VND được công bố tại Chi nhánh của 4 NHTM tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 3,00 (2019: 9,82)	Ngày 30 tháng 12 năm 2026	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	Các quyền thuê đất như sau: 4.852,74 ha cao su tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh; 9.996,9 ha (trồng cao su) tại Tỉnh Attapeu, Lào; 4.733,01 ha (trồng cao su) và 3.155,79 ha (trồng cọ dầu) tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu; 9.380,9 ha (trồng 7.102 ha cọ dầu) tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas; 1.960,91 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Heng Brothers; 3.283,66 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH CRD; Tất cả tài sản (động sản và bất động sản) gắn liền trên đất và mọi quyền, quyền lợi và lợi ích gắn liền với hoặc phát sinh từ tài sản gắn liền với đất như trên; Quyền sở hữu và quyền được bồi thường khi phát sinh các sự kiện bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản gắn liền với đất nêu trên; 44.926.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT.

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, tỷ lệ sở hữu cổ phần của Tổ chức phát hành tại HNG là 47,41% là thấp hơn so với trong hợp đồng đặt mua trái phiếu là tỷ lệ sở hữu cổ phần của Tổ chức phát hành tại HNG tối thiểu là 51%. Ngoài ra, diện tích cao su của Tập đoàn thực tế trồng là 4.486 ha, là thấp hơn so với trong Hợp đồng Tín dụng là 4.852,74 ha và diện tích cọ dầu của Tập đoàn thực tế trồng là 5.233 ha, thấp hơn cam kết trong Hợp đồng Tín dụng là 7.102 ha.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.3 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền (Ngàn VND)	Lãi suất (%/năm)	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản thế chấp (TM số 11, 12, 13 và 14)
PHUGIASC	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển TP.HCM - Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai (*)	930.000.000	Lãi suất điều chỉnh 3 tháng một lần và bằng chi phí vốn VND 12 tháng do Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM cộng với biên độ 3,50 (2019: 12,51 - 12,57)	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	172.070.455 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty.
ACBS	Công ty Cổ phần Việt Golden Farm (**)	300.000.000	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng của TPBank cộng với biên độ 4,50 (2019: 10,00)	Ngày 18 tháng 6 năm 2023	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	40.000.000 cổ phiếu HNG thuộc quyền sở hữu của Công ty.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bân Việt	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bân Việt	120.000.000	Bảng trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm doanh nghiệp kỳ hạn 13 tháng bằng VND cộng với biên độ 3,50 (2019: 11,20)	Ngày 30 tháng 12 năm 2020	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Tập đoàn bao gồm dự án trồng mới và chăm sóc 10.000 ha cao su (Tỉnh Ratanakiri, Campuchia); Dự án thủy điện Nậm Kóng 2 (Tỉnh Attapeu, Lào) và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	12.960.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT; 13.405.675 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 45.230.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú.

Trong đó:

Trái phiếu dài hạn

Trái phiếu dài hạn đến hạn trả 120.000.000

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, tỷ lệ sở hữu cổ phần của Tổ chức phát hành tại HNG là 47,41% là thấp hơn quy định trong hợp đồng đặt mua trái phiếu là tỷ lệ sở hữu cổ phần của Tổ chức phát hành tại HNG tối thiểu là 51%.

(**) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, hệ số thanh toán hiện hành của Tập đoàn đang nhỏ hơn một (1), thấp hơn trong hợp đồng đặt mua trái phiếu là hệ số thanh toán hiện hành phải lớn hơn một (1).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Ngàn VND
		Số đầu năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	2.126.870.427	2.522.768.438
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HDBank")	1.029.352.918	1.334.047.633
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt ("Ngân hàng Lào - Việt")	822.882.260	1.031.033.107
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank")	553.088.595	1.004.832.519
Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPBank")	100.000.000	250.000.000
TỔNG CỘNG	4.632.194.200	6.142.681.697
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn	3.095.659.574	4.604.709.171
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	1.536.534.626	1.537.972.526

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để đáp ứng nhu cầu vốn tài trợ cho các dự án vườn cây cao su, vườn cây cọ dầu và cây ăn trái của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau:

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 11, 12, 13 và 14)
BIDV, Chi nhánh Gia Lai				
Khoản vay 1 (*)	734.611.164	Từ ngày 31 tháng 12 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,70 (2019: 7,20)	Quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha tại Huyện Saysetha và Huyện Phu Vong, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu.
Khoản vay 2 (*)	249.631.125	Từ 9 tháng 6 năm 2019 đến 20 tháng 10 năm 2019	VND: 11,60 USD: 8,60 - 9,28	7 xe ô tô thuộc sở hữu của Công ty; 1 xe ô tô thuộc sở hữu của Công ty TNHH Thủy Điện Hoàng Anh Gia Lai; 3.310.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; Quyền sử dụng và khai thác 1.199 ha cao su tại Xã Pờ Tó, Huyện Ia Pa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của CSTN; Khu liên hợp học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai; Công trình Bệnh viện Đại học Y Dược HAGL; Trụ sở làm việc của Tập đoàn tại 15 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam; Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty.
Khoản vay 3 (*)	576.965.337	Từ ngày 1 tháng 6 năm 2019 đến ngày 28 tháng 12 năm 2019	VND: 11,60 USD: 9,28	2 tầng thuộc khu thương mại tại Tổ hợp chung cư - Thương mại Bầu Thạc Gián, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty; 7 xe ô tô thuộc sở hữu của Công ty; 13.310.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; Quyền sử dụng và khai thác 1.199 ha cao su tại Xã Pờ Tó, Huyện Ia Pa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của CSTN; Trụ sở làm việc của Tập đoàn tại 15 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn chưa thanh toán khoản vay đến hạn theo lịch thanh toán trên với tổng số tiền là 831.876.014 ngàn VND.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 11, 12, 13 và 14)
BIDV, Chi nhánh Bình Định				
Khoản vay 4 (**)	565.662.801	Từ ngày 25 tháng 3 năm 2021 đến ngày 25 tháng 12 năm 2026	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 5,00 (2019: 6,70 - 7,00)	Quyền sử dụng đất Khu căn hộ cao cấp HAGL gồm 37 căn hộ, block A,B,C tại số 40 Đường Hùng Vương, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk; 119 căn hộ thuộc cao ốc văn phòng và nhà ở cao cấp HAGL tại số 6 Đường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty; Nhà máy đá Granit HAGL tại Dục Quốc lộ 14, Xã La Bàng, Huyện Đắk Đoa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty; Quyền sử dụng đất tại Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam với diện tích 6.993,2 m ² ; Quyền sử dụng và khai thác 4.733,01 ha cao su và 3.155,79 ha cọ dầu tại Tỉnh Attapeu, Lào của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu.

TỔNG CỘNG 2.126.870.427

Trong đó:

Vay dài hạn	1.289.714.861
Vay dài hạn đến hạn trả	837.155.566

(**) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, diện tích cao su của Tập đoàn thực tế trồng là 13.714 ha, thấp hơn cam kết trong Hợp đồng Tín dụng là 17.950. Bên cạnh đó, diện tích cọ dầu của Tập đoàn thực tế là 1.449,2 ha, thấp hơn theo cam kết trong hợp đồng tín dụng là 3.155,79 ha.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 11, 12, 13 và 14)
HD Bank - Chi nhánh Đồng Nai				
Khoản vay 1 (*)	887.352.918	Từ ngày 25 tháng 6 năm 2020 đến ngày 25 tháng 12 năm 2023	USD: 8,50 VND: 12,57	172.070.455 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; Quyền sử dụng 7.924 ha đất tại tỉnh Ratanakiri, Campuchia và tài sản gắn liền đất thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat; 20.000.000 cổ phần của HNG, Bà Lê Thị Ngọc Bích và Bà Võ Thị Lệ Thu góp vốn tại An Đông Mía.
Khoản vay 2	77.000.000	Ngày 31 tháng 8 năm 2020	Từ 11,57 đến 11,67	98.000.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty.
HD Bank - Chi nhánh Gia Lai				
Khoản vay 1	65.000.000	Từ ngày 31 tháng 3 năm 2020 đến 31 tháng 12 năm 2020	Từ 11,50 đến 11,80	Toàn bộ cây ăn trái và quyền khai thác hình thành trong tương lai của dự án trồng cây ăn trái và cây gia vị được thực hiện trên thửa đất tại Xã Ea H'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk.

TỔNG CỘNG

1.029.352.918

Trong đó:

Vay dài hạn 665.514.697

Vay dài hạn đến hạn trả 363.838.221

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, diện tích cọ dầu của Tập đoàn thực tế trồng là 4.074 ha, thấp hơn theo cam kết trong Hợp đồng Tín dụng là 6.653 ha.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 11, 12, 13 và 14)
<i>Ngân hàng Lào - Việt, Chi nhánh Attapeu</i>				
Khoản vay 1 (i)	310.331.845	Từ ngày 25 tháng 11 năm 2019 đến ngày 25 tháng 8 năm 2022	10,00	Trụ sở làm việc của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu tại Km 31, Bản Haxan, Huyện Xaysettha, Tỉnh Attapeu, Lào theo bản đồ đất số 17 001 0008 với diện tích đất 0,3 ha; Nhà máy chế biến mủ cao su tại Huyện Xaysettha, Tỉnh Attapeu, Lào và toàn bộ đàn bò (14.219 con) nhập về của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu.
Khoản vay 2 (ii)	272.699.134	Từ ngày 25 tháng 12 năm 2019 đến ngày 25 tháng 12 năm 2026	LAK: 12,75 USD: 10,00	Quyền sử dụng và khai thác 4.733,01 ha cao su và 3.155,79 ha cọ dầu tại Tỉnh Attapeu, Lào của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu.

(i) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đã thanh lý toàn bộ số bò, theo đó, Tập đoàn không đảm bảo đủ số lượng bò nhập 14.219 con theo quy định của Hợp đồng Tín dụng này. Ngoài ra, Tập đoàn chưa thanh toán khoản vay đến hạn với số tiền là 12.255.343 ngàn VND theo lịch thanh toán trên.

(ii) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, diện tích cọ dầu của Tập đoàn thực tế là 1.449,2 ha, thấp hơn trong hợp đồng tín dụng là 3.155,79 ha. Ngoài ra, Tập đoàn chưa thanh toán khoản vay đến hạn với số tiền là 1.542.000 ngàn VND theo lịch thanh toán trên.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 11, 12, 13 và 14)
Ngân hàng Lào - Việt, Chi nhánh Attapeu (tiếp theo)				
Khoản vay 3 (iii)	62.964.514	Từ ngày 25 tháng 5 năm 2019 đến ngày 25 tháng 11 năm 2020	10,00	Tất cả các dụng cụ xây dựng, vật tư máy móc phục vụ cho dự án xây dựng nhà máy chế biến cò dầu phát sinh sau khi bỏ vốn đầu tư thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu.
Khoản vay 4 (iv)	176.886.767	Từ ngày 25 tháng 10 năm 2019 đến ngày 25 tháng 10 năm 2022	10,00	Quyền sử dụng 3 lô đất với tổng diện tích 1.001,78 ha tại Huyện Laman, Tỉnh Sekong, Lào và toàn bộ tài sản trên đất thuộc dự án nuôi bò và đàn bò nhập khẩu trị giá đảm bảo 26.460.000 USD thuộc sở hữu của Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh; Giá trị toàn bộ tài sản trên đất là vườn cây cao su diện tích 420,91 ha tại Huyện Laman, Sekong, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh.

TỔNG CỘNG

822.882.260

Trong đó:

Vay dài hạn

Vay dài hạn

đến hạn trả

(iii) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn chưa thanh toán khoản vay đến hạn với số tiền là 26.984.793
ngàn VND theo lịch thanh toán trên.

(iv) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn vẫn chưa đảm bảo đủ giá trị đảm bảo là 26.460.000 USD
theo yêu cầu của hợp đồng tín dụng này. Ngoài ra, Tập đoàn chưa thanh toán khoản vay đến hạn với số tiền là 5.130.445 ngàn VND theo lịch thanh
toán trên.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 11, 12, 13 và 14)
Sacombank, Chi nhánh Đà Nẵng (*)	262.454.605	Từ ngày 24 tháng 12 năm 2021 đến ngày 24 tháng 12 năm 2026	Bảng lãi suất tiết kiệm 13 tháng của Sacombank cộng biên độ 2,00 được điều chỉnh 3 tháng/lần (2019: 9,80)	23,2 triệu cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT; 14,5 triệu cổ phần Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh thuộc sở hữu của HNG.
Sacombank, Chi nhánh Thủ Đức (**)	250.000.000	Từ ngày 25 tháng 12 năm 2021 đến ngày 6 tháng 12 năm 2026	9,80	Quyền sử dụng đất 1.328,1 ha cao su và tài sản gắn liền trên đất tại Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của CSTN; Quyền sử dụng đất 479,2 ha tại Xã EaH'leo, Huyện EaH'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk và 683,33 ha tại Xã EaH'leo, Huyện EaH'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê.
Sacombank, Chi nhánh Campuchia	40.633.990	Từ ngày 21 tháng 6 năm 2020 đến ngày 21 tháng 6 năm 2021	9,00	Quyền sử dụng đất: Dự án số 1 tại Xã Talao, Huyện Ouchum, Tỉnh Ratanakiri, Campuchia; Dự án số 2 tại Xã Nhang, Huyện Andong Meas, Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav.
TỔNG CỘNG	553.088.595			
Trong đó:				
Vay dài hạn	525.999.269			
Vay dài hạn đến hạn trả	27.089.326			

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, diện tích trồng thực tế của Tập đoàn là 2.429 ha, thấp hơn trong hợp đồng tín dụng là 9.000 ha. Ngoài ra, Tập đoàn chưa mua bảo hiểm cho tài sản đảm bảo theo như cam kết trong hợp đồng tín dụng.

(**) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, diện tích cò dầu của Tập đoàn thực tế là 5.233 ha, thấp hơn cam kết trong Hợp đồng Tín dụng là 9.470 ha.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 11, 12, 13 và 14)
TPBank - Hội sở	100.000.000	Từ ngày 25 tháng 5 năm 2020 đến 25 tháng 11 năm 2021	11,40	Chứng khoán cùng lợi tức, cổ tức và các quyền và lợi ích phát sinh từ 15.000.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty.
TỔNG CỘNG	100.000.000			
Trong đó:				
Vay dài hạn	50.000.000			
Vay dài hạn đến hạn trả	50.000.000			

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.5 Vay ngắn hạn và dài hạn khác

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau:

Tên đối tượng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp
Vay ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	897.464.625	Từ ngày 12 tháng 7 năm 2020 đến ngày 11 tháng 12 năm 2020	Từ 8,00 đến 9,50	Tín chấp
Ông Nguyễn Xuân Quang	99.650.107	Ngày 26 tháng 6 năm 2020	14,00	20.000.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Hưng Thịnh Lợi.
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Trustlink	93.304.467	Ngày 26 tháng 6 năm 2020	14,00	13.750.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Hưng Thịnh Lợi.
Công ty TNHH Hakuba	58.000.000	Ngày 6 tháng 3 năm 2020	14,00	10.000.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Hưng Thịnh Lợi.
Bà Kiều Ngọc Hoa	50.000.000	Ngày 4 tháng 2 năm 2020	14,00	Tín chấp
TỔNG CỘNG	1.198.419.199			
Vay dài hạn khác				
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	805.260.834	Ngày 10 tháng 6 năm 2021	10,50	Tín chấp

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế)	Ngàn VND
Năm trước							
Số đầu năm	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	453.812.960	279.895.303	702.809.115	13.974.368.992
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	117.506.769	117.506.769
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	31.424.384	-	-	31.424.384
Thù lao HĐQT, ban kiểm soát và thư ký	-	-	-	-	-	(1.737.000)	(1.737.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	749.460	(749.460)	-
Thanh lý công ty con	-	-	-	-	-	(426.403.248)	(426.403.248)
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(427.861.152)	(427.861.152)
Số cuối năm	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	485.237.344	280.644.763	(36.434.976)	13.267.298.745
Năm nay							
Số đầu năm	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	485.237.344	280.644.763	(36.434.976)	13.267.298.745
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	216.517.715	216.517.715
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(909.696.018)	-	-	(909.696.018)
Thù lao HĐQT, ban kiểm soát và thư ký	-	-	-	-	-	(2.797.000)	(2.797.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	1.024.011	(1.024.011)	-
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	114.577.508	114.577.508
Số cuối năm	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	(424.458.674)	281.668.774	290.839.236	12.685.900.950

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.2 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	927.467.947	927.467.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.467.947	927.467.947
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.399.283	927.399.283
Số lượng cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.664	68.664

26. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Số đầu năm	3.543.587.941	3.813.603.686
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát của các công ty con	2.875.304.500	(499.402.722)
Lỗ trong năm phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	(2.025.322.017)	(111.262.363)
Thanh lý công ty con	(264.516.161)	(848.934.538)
Cổ tức phải trả cho cổ đông không kiểm soát	(6.151.425)	(7.416.122)
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông không kiểm soát của công ty con	-	1.197.000.000
Số cuối năm	4.122.902.838	3.543.587.941

27. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lãi thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (Ngàn VND)	216.517.715	117.506.769
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	927.399.283	927.399.283
Lãi trên cổ phiếu (VND)		
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	233	127
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	233	127

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. DOANH THU

28.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Doanh thu gộp	2.091.833.174	5.388.200.400
Trong đó:		
Doanh thu bán trái cây	1.290.876.230	2.897.277.177
Doanh thu bán mủ cao su	341.922.012	345.077.184
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ khác (bệnh viện, khách sạn, quảng cáo, v.v.)	234.260.834	406.544.334
Doanh thu bán hàng hóa	185.196.895	470.270.787
Doanh thu bán ớt	38.704.084	513.949.664
Doanh thu bán tiêu	873.119	38.214.271
Doanh thu từ dịch vụ cho thuê	-	509.461.750
Doanh thu bán bò	-	126.827.550
Doanh thu bất động sản đầu tư	-	57.910.339
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	-	22.667.344
Khoản giảm trừ	(16.389.150)	-
Hàng bán trả lại	(16.389.150)	-
Doanh thu thuần	2.075.444.024	5.388.200.400
Trong đó:		
Doanh thu bán trái cây	1.275.351.600	2.897.277.177
Doanh thu bán mủ cao su	341.922.012	345.077.184
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ khác (bệnh viện, khách sạn, quảng cáo, v.v.)	234.260.834	406.544.334
Doanh thu bán hàng hóa	184.332.375	470.270.787
Doanh thu bán ớt	38.704.084	513.949.664
Doanh thu bán tiêu	873.119	38.214.271
Doanh thu từ dịch vụ cho thuê	-	509.461.750
Doanh thu bán bò	-	126.827.550
Doanh thu bất động sản đầu tư	-	57.910.339
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	-	22.667.344
Trong đó:		
Doanh thu thuần với các bên liên quan	12.047.940	29.832.490
Doanh thu thuần với các bên khác	2.063.396.084	5.358.367.910

28.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	1.325.083.129	563.609.679
Lãi tiền cho vay	779.225.691	755.262.551
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	31.346.993	81.224.545
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.407.350	4.089.505
Các khoản khác	80.279	612.899
TỔNG CỘNG	2.137.143.442	1.404.799.179
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan	758.210.383	749.845.449
Doanh thu với các bên khác	1.378.933.059	654.953.730

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Giá vốn bán trái cây	1.005.948.511	1.298.285.319
Giá vốn mủ cao su	451.431.843	371.389.292
Giá vốn dịch vụ khác (bệnh viện, khách sạn, quảng cáo, v.v.)	202.192.049	368.041.139
Giá vốn hàng hóa	144.185.834	159.796.549
Giá vốn bán ợt	43.130.128	353.339.846
Giá vốn bán tiêu	771.286	35.011.542
Giá vốn dịch vụ cho thuê	-	227.734.536
Giá vốn bán bò	-	135.954.566
Giá vốn bất động sản đầu tư	-	38.476.544
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	-	25.465.893
TỔNG CỘNG	1.847.659.651	3.013.495.226

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Chi phí lãi vay ngân hàng và trái phiếu	1.263.369.664	1.532.928.450
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	597.592.450	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	94.509.128	152.734.178
Các khoản khác	8.462.909	36.021.536
TỔNG CỘNG	1.963.934.151	1.721.684.164

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	288.324.842	152.008.417
Chi phí lương nhân viên	15.493.345	22.660.977
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.412.294	1.794.026
Chi phí khác	2.626.378	15.982.795
TỔNG CỘNG	308.856.859	192.446.215
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Phân bổ lợi thế thương mại	315.937.136	390.318.070
Chi phí lương nhân viên	152.029.212	144.510.009
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.024.456	44.248.405
Chi phí dự phòng	75.578.113	21.272.492
Chi phí khấu hao và hao mòn	30.758.900	34.318.490
Chi phí khác	26.273.693	354.668.623
TỔNG CỘNG	672.601.510	989.336.089

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Thu nhập khác	42.577.126	21.546.363
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	593.673	-
Các khoản khác	41.983.453	21.546.363
Chi phí khác	1.380.140.330	914.727.898
Chi phí chuyển đổi vườn cây	1.164.006.774	488.191.538
Chi phí xóa sổ tài sản cố định	209.177.686	240.498.860
Chi phí hỗ trợ hợp đồng hợp tác kinh doanh	185.750.000	-
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	44.549.697	17.349.380
Các khoản phạt	30.834.638	44.461.528
Chi phí từ thanh lý tài sản	17.041.036	68.166.122
Lỗi từ đánh giá lại các tài sản không hiệu quả	16.824.254	12.636.991
Hoàn nhập dự phòng (*)	(335.292.885)	-
Các khoản khác	47.249.130	43.423.479
LỖ KHÁC	(1.337.563.204)	(893.181.535)

- (*) Số tiền này thể hiện việc ghi nhận giảm chi phí khác từ việc hoàn nhập chi phí dự phòng thuế TNDN được trích trước và ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất của các năm trước lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2019. Trong các năm trước, do ND 20 mới được ban hành và Tập đoàn cũng chưa làm việc cụ thể với các cơ quan Nhà nước, do đó theo nguyên tắc thận trọng, Tập đoàn đã tạm trích dự phòng thuế TNDN theo các hướng dẫn của Khoản 3, Điều 8, Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ("ND 20") về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, được Chính phủ ban hành ngày 24 tháng 2 năm 2017 và có hiệu lực vào ngày 1 tháng 5 năm 2017 để xác định thu nhập chịu thuế bao gồm số tiền lãi vay phát sinh trong năm mà vượt 20% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay, chi phí khấu hao trong năm. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Ban Giám đốc Tập đoàn đã nghiên cứu các thông tin có liên quan và quyết định hoàn nhập số tiền đã trích lập trong báo cáo tài chính hợp nhất của các năm trước.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Ban Giám đốc Tập đoàn cũng quyết định không trích dự phòng chi phí thuế thu nhập dựa trên xét đoán căn cứ vào nội dung dự thảo sửa đổi ND 20 được Chính phủ ban hành trong năm 2019, theo các nội dung sửa đổi này thì Tập đoàn ước tính tổng chi phí lãi vay thuần phát sinh trong năm (chi phí lãi vay bù trừ với doanh thu lãi tiền gửi, tiền cho vay) là không vượt quá 30% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng (+) chi phí lãi vay thuần cộng (+) chi phí khấu hao trong năm. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, văn bản sửa đổi ND 20 vẫn chưa được ban hành chính thức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các công ty con tại Việt Nam có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế (2018: 20%).

Các công ty con của Tập đoàn tại Lào, Campuchia có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất tương ứng dựa trên thu nhập chịu thuế. Các công ty con này cũng được hưởng miễn, giảm thuế TNDN theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế địa phương. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.253.490	2.998.375
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(98.914.750)	38.454.058
TỔNG CỘNG	(96.661.260)	41.452.433

33.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

33.1 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.905.465.562)	47.696.838
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Lỗ từ các công ty con	4.096.620.067	1.257.732.317
Lợi thế thương mại phân bổ	315.937.136	390.318.070
Hoàn nhập chi phí lãi vay trên báo cáo tài chính hợp nhất	82.805.391	34.147.473
Lợi nhuận chưa thực hiện trên hợp nhất	(31.070.098)	(32.629.674)
Các chi phí không có chứng từ hợp lệ	39.197.043	10.190.354
Tiền phạt	15.108.406	4.974.838
Lãi từ các công ty liên kết	(12.562.347)	(64.840.488)
Chênh lệch từ thanh lý các khoản đầu tư	(2.805.287.927)	(563.609.679)
Các khoản dự phòng (hoàn nhập dự phòng)	483.220.642	(468.891.480)
Lợi nhuận của các công ty con được miễn thuế	(32.681.914)	(945.808.547)
Chênh lệch tỷ giá	64.232.377	58.559.227
Các khoản khác	(269.085.545)	296.257.819
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành chưa cần trừ lỗ năm trước	40.967.669	24.097.068
Lỗ các năm trước chuyển sang	(23.903.208)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành sau khi cần trừ lỗ năm trước	17.064.461	24.097.068
Thuế TNDN ước tính trong năm hiện hành	4.300.785	2.035.545
Thuế TNDN của hoạt động bất động sản	-	4.066.941
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) năm trước	440.861	(3.104.111)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(2.488.156)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	2.253.490	2.998.375
Thuế TNDN phải trả đầu năm	29.128.714	82.826.083
Khác	158.992	(2.111.279)
Thuế TNDN đã trả trong năm	(12.947.293)	(54.584.465)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	18.593.903	29.128.714
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải trả (TM số 21)	19.970.633	30.664.436
Thuế TNDN nộp thừa	(1.376.730)	(1.535.722)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

33.2 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả với các biến động trong năm như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
			Ngân VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	74.528.409	98.599.120	(24.070.711)	(6.525.935)
	74.528.409	98.599.120	(24.070.711)	(6.525.935)
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Chi phí lãi vay vốn hoá khi hợp nhất	111.211.562	203.715.780	(92.504.218)	(3.544.029)
Thu nhập từ thanh lý đầu tư	-	103.208.182	(103.208.182)	103.208.182
Dự phòng khoản đầu tư	110.260.843	37.533.904	72.726.939	(67.736.030)
	221.472.405	344.457.866	(122.985.461)	31.928.123
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh			(98.914.750)	38.454.058

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

34.1 Giao dịch trong năm

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngân VND	
			Năm nay	Năm trước
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Mượn tiền	1.157.156.964	1.794.900.000
		Nhận hoàn trả gốc vay	136.000.000	24.675.000
		Cho vay	20.120.000	3.920.000
		Trả tiền mượn	-	1.658.900.000
		Vay ngắn hạn	-	612.995.000
		Vay dài hạn	-	129.709.600
		Góp vốn BCC	-	370.000.000
		Hoàn trả BCC	-	380.395.244
		Lãi cho vay	-	2.967.516
		Lãi đi vay	-	6.391.122
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Cho vay dài hạn	3.018.362.659	2.256.438.360
		Thu hồi tiền cho vay	462.372.222	729.091.049
		Lãi cho vay	258.230.035	70.281.828
		Thu hồi lãi cho vay	46.045.700	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Cho vay	1.018.678.321	384.715.112
		Lãi cho vay	439.112.672	429.875.118
		Thu hồi lãi cho vay	100.000.000	537.838.276
		Bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.237.769	23.054.084
		Thu hồi tiền cho vay	15.300.000	115.727.133
		Mua hàng hóa và dịch vụ	10.110.766	73.686.063
		Cần trừ công nợ	4.280.831	262.044.833
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Cho vay	102.909.929	100.000.000
		Thu hồi tiền cho vay	98.700.000	-
		Lãi cho vay	22.231.760	21.758.487
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	11.504.781	7.836.947
		Thu hồi tiền cho vay	155.827.977	-
		Thu hồi lãi cho vay	194.680.913	-
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Thu hồi tiền cho vay	147.000.000	-
		Lãi cho vay	12.846.896	15.269.167

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

34.1 *Giao dịch trong năm* (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Thu hồi lãi cho vay	55.887.813	-
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Thu hồi tiền cho vay	93.000.000	-
		Thu hồi lãi cho vay	38.098.244	11.103.123
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xây dựng Phúc Bảo Minh	Công ty liên quan	Thu hồi tiền cho vay	50.000.000	-
		Thu hồi lãi cho vay	21.627.778	-
		Lãi cho vay	3.652.777	5.069.444
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Công ty liên quan	Thu hồi tiền cho vay	34.714.752	-
		Thu hồi lãi cho vay	30.246.436	-
		Lãi cho vay	3.384.688	5.304.507
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Thu hồi tiền cho vay	-	1.066.130.329
		Lãi cho vay	-	109.683.955
		Cần trừ công nợ	-	196.851.346

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

34.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Ngàn VND
				Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 6)				
Nhóm nợ tồn đọng có số dư lớn (*)	Các công ty liên quan	(*)	99.460.182	200.544.787
Công ty Cổ phần IAPACCO	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	-	2.930.603
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	1.010.461
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện	Công ty liên quan	Bán hàng hóa	-	382.630
Công ty TNHH Dịch vụ Nông Nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan trước đây	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	71.906.750
Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp Cánh Đồng Vàng	Công ty liên quan trước đây	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	30.370.320
TỔNG CỘNG			99.460.182	307.145.551

(*) Chi tiết nhóm nợ tồn đọng có số dư lớn như sau:

Các bên liên quan	Giao dịch	Số cuối năm	Ngân VND
			Số đầu năm
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bán hàng hóa	65.165.581	133.665.986
	Bán tài sản cố định	-	383.279
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Cung cấp dịch vụ xây dựng	27.595.944	27.595.944
	Bán hàng hóa	-	2.180.959
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Cung cấp dịch vụ xây dựng	5.501.714	5.501.714
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	903.523	5.210.285
	Bán tài sản cố định	291.600	26.006.620
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa Hoàng Anh Gia Lai	Bán hàng hóa	1.820	-
TỔNG CỘNG		99.460.182	200.544.787

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

34.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				Ngân VND	
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm	
Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 7)					
Nhóm nợ tồn đọng có số dư lớn (*)	Công ty liên quan	(*)	2.299.803	29.771.109	
Công ty TNHH Dịch vụ Nông Nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan trước đây	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	-	3.850.000	
TỔNG CỘNG			2.299.803	33.621.109	

(*) Chi tiết nhóm nợ tồn đọng có số dư lớn như sau:

Các bên liên quan	Giao dịch	Ngân VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	2.299.803	29.771.109

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

34.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Ngàn VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 8)				
Nhóm nợ tồn đọng có số dư lớn (*)	Các công ty liên quan	(*)	2.013.674.928	489.039.660
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	-	20.120.000	-
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	-	16.742.127	-
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT	-	1.636.000	-
HAN	Công ty liên kết trước đây	-	-	82.203.000
Công ty TNHH Dịch vụ Nông Nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan trước đây	-	-	56.653.075
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện	Công ty liên quan	-	-	5.815.217
TỔNG CỘNG			2.052.173.055	633.710.952

(*) Chi tiết nhóm nợ tồn đọng có số dư lớn như sau:

Các bên liên quan	Lãi suất %/năm	Ngàn VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	9,75 - 10,00	1.068.890.232	313.312.864
Công ty Cổ phần Lê Me	11,50	857.847.971	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	12,00	86.936.725	82.726.796
Công ty TNHH An Tiến	-	-	93.000.000
TỔNG CỘNG		2.013.674.928	489.039.660

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

34.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			Ngàn VND	
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 9)				
Nhóm nợ tồn đọng có số dư lớn (*)	Các công ty liên quan	(*)	201.509.008	450.594.792
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Cho mượn Khác	65.612.445 23.261	- -
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện	Công ty liên quan	Chi phí trả hộ	-	1.950.431
Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp Cánh Đồng Vàng	Công ty liên quan trước đây	Chi phí trả hộ	-	3.589.369
Bên liên quan khác	Bên liên quan	Tạm ứng	1.600.000	1.124.357
TỔNG CỘNG			268.744.714	457.258.949

(*) Chi tiết nhóm nợ tồn đọng có số dư lớn như sau:

Các bên liên quan	Giao dịch	Số cuối năm	Ngàn VND
			Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Thăng Long	Cho mượn	62.154.717	200.852.876
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Cho mượn	91.684.294	19.847.708
	Lãi cho vay	19.711.031	21.376.469
	Chi phí trả hộ	2.630.603	1.139.938
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Lãi cho vay	12.780.538	1.682.111
	Chi phí trả hộ	2.192.000	2.192.000
Công ty Cổ phần Lê Me	Lãi cho vay	10.355.825	-
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Lãi cho vay	-	157.007.722
	Chi phí trả hộ	-	2.619.184
Công ty TNHH An Tiến	Lãi cho vay	-	31.235.470
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Cho mượn	-	12.624.059
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đề	Lãi cho vay	-	17.255
TỔNG CỘNG		201.509.008	450.594.792

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

34.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Ngàn VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay dài hạn (TM số 8)				
Nhóm nợ tồn đọng có số dư lớn (*)	Các công ty liên quan	(*)	7.453.259.203	6.095.915.457
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt May	Công ty liên quan	-	-	5.590.000
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan trước đây	-	-	22.895.434
Công ty Cổ phần IAPACCO	Công ty liên quan	-	-	6.123.820
TỔNG CỘNG			7.453.259.203	6.130.524.711

(*) Chi tiết nhóm nợ tồn đọng có số dư lớn như sau:

Các bên liên quan	Lãi suất %/năm	Ngàn VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	4,80 - 12,00	4.127.769.425	3.884.249.304
Công ty Cổ phần Lê Me	11,50	3.225.489.778	1.527.347.311
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	12,00	100.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	-	-	196.731.113
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	-	-	155.872.977
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	-	-	147.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Phúc Bảo Minh	-	-	50.000.000
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	-	-	34.714.752
TỔNG CỘNG		7.453.259.203	6.095.915.457

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

34.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				Ngàn VND	
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm	
Phải thu dài hạn khác (TM số 9)					
Nhóm nợ tồn đọng có số dư lớn (*)	Các công ty liên quan	(*)	734.688.234	328.991.673	
Các công ty khác	Công ty liên quan	Các khoản khác	-	548.630	
TỔNG CỘNG			734.688.234	329.540.303	

(*) Chi tiết nhóm nợ tồn đọng có số dư lớn như sau:

Các bên liên quan	Giao dịch	Ngàn VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Lãi cho vay	486.106.860	146.857.511
Công ty Cổ phần Lê Me	Lãi cho vay	230.927.298	29.098.785
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Lãi cho vay	17.654.076	6.520.743
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Lãi cho vay	-	43.040.917
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Lãi cho vay	-	32.468.560
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Lãi cho vay	-	26.861.748
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Lãi cho vay	-	26.168.409
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Phúc Bảo Minh	Lãi cho vay	-	17.975.000
TỔNG CỘNG		734.688.234	328.991.673

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

34.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Ngàn VND
				Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 19)				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	32.122.589	4.344.889
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	42.354.776	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	888.145	4.093.267
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Công ty liên kết	Dịch vụ tư vấn	-	10.391.383
Công ty Cổ phần IAPACCO	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	18.760.988
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Mua hàng hóa	271.360	259.851
TỔNG CỘNG			75.636.870	37.850.378

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

34.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				Ngân VND	
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm	
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 23)					
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Hợp tác kinh doanh	185.750.000	-	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT	Hợp tác kinh doanh	36.000.000	-	
		Lợi nhuận hợp tác kinh doanh	1.488.000	-	
		Mượn tiền	1.000.000	-	
Bà Đoàn Thị Nguyên Nguyên	Bên liên quan	Mượn tiền	15.000.000	20.000.000	
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Mượn tiền	11.685.000	11.685.000	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lợi nhuận hợp tác kinh doanh	9.966.667	-	
		Mượn tiền	-	136.000.000	
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mượn tiền	7.422.950	-	
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng giám đốc	Lợi nhuận hợp tác kinh doanh	6.535.000	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Mê Kông	Công ty liên quan	Mượn tiền	-	6.450.000	
HAN	Công ty liên kết trước đây	Mượn tiền	-	11.786.058	
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	275.400	16.993.070	
TỔNG CỘNG			275.123.017	202.914.128	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

34.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Phải trả dài hạn khác (TM số 23)				
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Nhận góp vốn hợp tác kinh doanh	180.000.000	180.000.000
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	Nhận góp vốn hợp tác kinh doanh	105.000.000	105.000.000
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Nhận góp vốn hợp tác kinh doanh	-	550.000.000
		Khác	-	2.034.000
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai - Bangkok	Công ty liên quan	Khác	-	7.666.626
Các bên khác	Các bên liên quan	Khác	-	25.148
TỔNG CỘNG			285.000.000	844.725.774
Vay ngắn hạn				
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Vay	-	612.995.000
Vay dài hạn				
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Vay	-	129.709.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

34.3 Nhóm nợ tồn đọng có số dư lớn (trích từ TM số 34.2)

Dưới đây trình bày khoản phải thu từ nhóm nợ tồn đọng có số dư lớn như sau:

Theo giao dịch phát sinh:

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay dài hạn	7.453.259.203	6.095.915.457
Phải thu về cho vay ngắn hạn	2.013.674.928	489.039.660
Phải thu dài hạn khác	734.688.234	328.991.673
Phải thu ngắn hạn khác	201.509.008	450.594.792
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	99.460.182	200.544.787
Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.299.803	29.771.109
TỔNG CỘNG	10.504.891.358	7.594.857.478

Theo đối tượng công nợ:

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	5.864.257.829	4.550.604.168
Công ty Cổ phần Lê Me	4.324.620.872	1.556.446.096
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	220.758.462	224.338.556
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Thăng Long	62.154.717	200.852.876
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	27.595.944	219.817.820
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Tuấn	5.501.714	5.501.714
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	-	341.668.291
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	-	229.216.928
Công ty TNHH An Tiến	-	124.235.470
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xây dựng Phúc Bảo Minh	-	67.975.000
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	-	61.576.500
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	-	12.624.059
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa Hoàng Anh Gia Lai	1.820	-
TỔNG CỘNG	10.504.891.358	7.594.857.478

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, khoản phải thu của Tập đoàn đối với nhóm nợ tồn đọng có số dư lớn nói trên đã được bảo lãnh bởi tài sản riêng của Chủ tịch HĐQT - Ông Đoàn Nguyên Đức và tài sản của một số công ty và cá nhân liên quan khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

34.4 Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Ban thư ký

Lương và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Ban thư ký như sau:

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
<i>Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc</i>		
Lương và thù lao	11.405.828	11.558.691
<i>Ban kiểm soát</i>		
Lương và thù lao	1.113.000	1.008.000
<i>Ban thư ký</i>		
Lương và thù lao	108.000	401.333
TỔNG CỘNG	12.626.828	12.968.024

35. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn là bên thuê

Tập đoàn thuê các lô đất khác nhau tại Việt Nam, Lào, Campuchia để xây dựng nhà xưởng, câu lạc bộ bóng đá, khách sạn, văn phòng, nuôi gia súc và trồng cây cao su và các loại cây khác. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, tiền thuê cam kết theo hợp đồng thuê các lô đất này được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Dưới 1 năm	30.607.046	29.032.155
Từ 1 đến 5 năm	122.428.185	116.048.422
Trên 5 năm	1.077.301.090	1.046.633.514
TỔNG CỘNG	1.230.336.321	1.191.714.091

Dự phòng bảo hành các dự án xây dựng Sân bay

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn đang tiếp tục thực hiện và hoàn thiện các hạng mục còn lại của hai dự án xây dựng sân bay Quốc tế Attapeu tại Tỉnh Attapeu và sân bay Quốc tế Nongkhang tại Tỉnh Huaphan, Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Tập đoàn chưa ghi nhận khoản dự phòng bảo hành cho các dự án này, vì các dự án chưa được quyết toán hoàn thành và bàn giao cho chủ đầu tư.

Theo quy định tại điều 13.2 Hợp đồng về Dự án xây dựng Sân bay Attapeu số LAO-ATP01 ngày 10 tháng 5 năm 2013 và điều 13.2 Hợp đồng về Dự án xây dựng Sân bay Nongkhang số LAO-NKP01 ngày 15 tháng 6 năm 2013 thời gian bảo hành sẽ kéo dài trong thời gian một (1) năm kể từ ngày bàn giao các dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

Cam kết góp vốn đầu tư

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn có các cam kết góp vốn vào các HĐHTKD liên quan đến các dự án chăn nuôi bò và lĩnh vực điện như sau:

Công ty	Giá trị theo hợp đồng	Giá trị đã ghi nhận	Ngàn VND
			Giá trị cam kết còn lại
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	650.000.000	468.970.000	181.030.000

Cam kết quan trọng

Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 22 tháng 5 năm 2017 giữa Tập đoàn, Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh, cùng thỏa thuận ngày 15 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn cam kết chịu trách nhiệm vô điều kiện và không hủy ngang đối với bất kỳ khoản nợ, phạt, bồi thường, nghĩa vụ tài chính và/hoặc bất kỳ cam kết bảo lãnh, nhận nợ, biện pháp đảm bảo nào khác (dù là hiện hữu chưa được phản ánh hoặc tiềm tàng) mà Tập đoàn Mía đường có nghĩa vụ thực hiện đối với bất kỳ bên thứ ba (bao gồm cả đối với Chính phủ Lào và/hoặc chính phủ Việt Nam) phát sinh vào và trước ngày 31 tháng 8 năm 2016 nhưng chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Nhóm Công ty Mía đường, bao gồm nhưng không bị hạn chế bởi các khoản phải nộp liên quan đến:

- Thuế, phí, lệ phí đối với chuyển lợi nhuận từ Nhóm Công ty Mía đường tại Lào về cho Công ty tại Việt Nam theo quy định pháp luật tại Lào và Việt nam;
- Thuế nhà thầu hoặc thuế có tính chất tương tự đối với hoạt động xây dựng, giải phóng mặt bằng liên quan đến nhà máy và vùng nguyên liệu của Nhóm Công ty Mía đường;
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và thuế thu nhập cá nhân của người lao động làm việc tại Nhóm Công ty Mía đường;
- Thuế giá trị gia tăng liên quan đến giao dịch chuyển nhượng tài sản thuộc hoạt động trồng cỏ và nuôi bò của Nhóm Công ty Mía đường; và
- Các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế khác, các trách nhiệm bồi thường, tổ tụng về mặt pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty Mía đường trước ngày 31 tháng 8 năm 2016.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và vào ngày báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn đang trong quá trình làm việc với cơ quan thuế địa phương để xác định khoản nghĩa vụ tài chính có thể phát sinh (nếu có) liên quan đến chuyển nhượng Nhóm công ty Mía đường nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Các loại ngoại tệ:		
- KIP Lào (LAK)	283.699.896	120.520.076
- Đồng Riels Campuchia (KHR)	205.947.548	84.386.864
- Đô la Mỹ (USD)	253.953	1.860.416
- Đồng Euro (EUR)	-	455

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu, theo đó:

- doanh thu bộ phận bán hàng ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng, nếu doanh thu bán hàng ra bên ngoài của mỗi bộ phận đó chiếm từ 10% tổng doanh thu trở lên của doanh nghiệp bán hàng ra bên ngoài;
- tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận theo vị trí của tài sản, nếu tài sản của mỗi bộ phận đó chiếm từ 10% tổng tài sản trở lên của toàn bộ các khu vực địa lý; và
- tổng chi phí đã phát sinh trong năm để mua tài sản cố định - tài sản bộ phận dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một năm (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác) theo vị trí của tài sản, nếu tài sản của bộ phận đó chiếm từ 10% tổng tài sản trở lên của các bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

37.1 *Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn được xác định theo địa điểm của tài sản của Tập đoàn. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Tập đoàn.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Sản xuất: sản xuất và bán phân bón, ống nhựa và các công cụ dụng cụ khác dùng trong nông nghiệp;
- Thương mại và dịch vụ: quản lý tài sản và mua bán hàng hóa;
- Xây dựng: xây dựng căn hộ, xây dựng sân bay và xây dựng chuồng trại;
- Năng lượng: phát triển và khai thác thủy điện;
- Khoáng sản: khai thác, chế biến và bán quặng tinh chế (đã dừng hoạt động); và
- Nông nghiệp: trồng cao su, cọ dầu, trái cây, thu hoạch chế biến và bán mủ cao su, gỗ cao su, cọ dầu và các loại cây trồng khác.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Tập đoàn chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Báo cáo bộ phận của hoạt động kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng đã được trình bày vào hoạt động thương mại và dịch vụ trong năm vì đây không phải là hoạt động chính của Tập đoàn hiện nay.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

37.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Bất động sản	Thương mại và dịch vụ	Xây dựng	Nông nghiệp	Năng lượng	Loại trừ	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018							
<i>Doanh thu</i>							
Từ khách hàng bên ngoài	567.372.089	406.544.334	22.667.344	4.391.616.633	-	-	5.388.200.400
Giữa các bộ phận	-	66.985.430	-	1.409.747.560	-	(1.476.732.990)	-
Tổng cộng	567.372.089	473.529.764	22.667.344	5.801.364.193	-	(1.476.732.990)	5.388.200.400
Kết quả của bộ phận	301.161.009	38.503.195	(2.798.549)	2.037.839.519	-	-	2.374.705.174
Chi phí không phân bổ							(2.074.963.839)
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập							299.741.335
tài chính và chi phí tài chính							1.404.799.179
Thu nhập tài chính							(1.721.684.164)
Chi phí tài chính							64.840.488
Lỗ từ công ty liên kết							47.696.838
Lợi nhuận trước thuế							(2.998.375)
Chi phí thuế TNDN hiện hành							(38.454.058)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại							
Lợi nhuận sau thuế trong năm							6.244.405
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018							
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>							
Tài sản của bộ phận	562.947.574	328.813.728	635.254.936	39.875.291.892	3.136.811.361	-	44.539.119.491
Tiền của Tập đoàn							337.736.719
Đầu tư vào công ty liên kết							2.771.892.520
Tài sản không phân bổ							462.692.886
Tổng tài sản							48.111.441.616
Nợ phải trả của bộ phận	(928.303)	(51.841.968)	(9.229.926)	(28.305.996.632)	(2.589.612.515)	-	(30.957.609.344)
Nợ phải trả không phân bổ							(342.945.586)
Tổng nợ phải trả							(31.300.554.930)

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

37.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Bất động sản	Thương mại và dịch vụ	Xây dựng	Nông nghiệp	Năng lượng	Loại trừ	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019							
<i>Doanh thu</i>							
Từ khách hàng bên ngoài	-	416.348.801	-	1.659.095.223	-	-	2.075.444.024
Giữa các bộ phận	-	826.856.537	-	1.200.723.195	-	(2.027.579.732)	-
Tổng cộng	-	1.243.205.338	-	2.859.818.418	-	(2.027.579.732)	2.075.444.024
Kết quả của bộ phận	-	74.039.407	-	153.744.966	-	-	227.784.373
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	-	(2.319.021.573)
Lỗ trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	(2.087.216.449)
Thu nhập tài chính	-	-	-	-	-	-	2.137.143.442
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	(1.963.934.151)
Lãi từ công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	12.562.347
Lỗ trước thuế	-	-	-	-	-	-	(1.905.465.562)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-	-	-	(2.253.490)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-	-	-	98.914.750
Lỗ sau thuế TNDN trong năm	-	-	-	-	-	-	(1.808.804.302)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019							
Tài sản và nợ phải trả	100.755.755	750.402.417	575.790.126	35.686.043.882	-	-	37.112.992.180
Tài sản của bộ phận	-	-	-	-	-	-	254.431.616
Tiền	-	-	-	-	-	-	273.113.133
Đầu tư vào công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	991.950.160
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	38.632.487.089
Tổng tài sản	-	-	-	-	-	-	(20.986.844.440)
Nợ phải trả của bộ phận	-	(877.739.964)	(19.781.868)	(20.089.322.608)	-	-	(836.838.861)
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	(21.823.683.301)
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	-	-	(21.823.683.301)

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

37.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau.

	Việt Nam	Lào	Campuchia	Myanmar	Khác	Ngân VND Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018						
<i>Doanh thu</i>						
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	2.404.557.735	1.425.895.038	462.576.959	709.295.233	385.875.435	5.388.200.400
Chi phí hình thành tài sản cố định	369.573.685	1.376.177.891	738.160.181	123.728.000	-	2.607.639.757
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018						
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>						
Tài sản bộ phận	14.312.987.426	18.630.100.529	11.175.137.728	-	-	44.118.225.683
Tiền						337.736.719
Đầu tư vào công ty liên kết						2.771.892.520
Tài sản không phân bổ						883.586.694
Tổng tài sản						48.111.441.616
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019						
<i>Doanh thu</i>						
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	1.534.715.541	55.226.305	72.494.906	-	413.007.272	2.075.444.024
Chi phí hình thành tài sản cố định	210.274.272	1.285.463.805	679.912.947	-	-	2.175.651.024
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019						
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>						
Tài sản bộ phận	15.408.172.633	13.936.721.082	7.768.098.465	-	-	37.112.992.180
Tiền						254.431.616
Đầu tư vào công ty liên kết						273.113.133
Tài sản không phân bổ						991.950.160
Tổng tài sản						38.632.487.089

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.



Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập



Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trương Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 4 năm 2020